

Số: 120/TTQT-ĐT

Tp.HCM, ngày 21 tháng 8 năm 2020

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG NƯỚC
PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ XUẤT KHẨU Ở ĐBSCL -NGÀY 17-18/08/2020

I. Kết quả phân tích mẫu quan trắc chất lượng nước trên kênh cấp phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ xuất khẩu:

STT	Điểm Quan Trắc	Tỉnh	Huyện	Tọa độ	Ngày thu mẫu	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ³⁻ (mg/l)	S ₂ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	Vibrio tổng số (CFU/ml)	Vibrio parahaemolyticus tổng số (CFU/ml)
Giới hạn cho phép theo QCVN 02-19:2014/BNNPTNT QCVN 08-MT:2015/BTNMT (*) (Cột A1- Mục đích bảo vệ đời sống thủy sinh)						18-33	7-9	>3,5	5-35	60-180	0,05(*)	0,3(*)	0,1(*)	0,05	20(*)	---	---	---
1	Gành Hào - Đông Hải	Bạc Liêu	Đông Hải	9°02'03.1" N 105°25'14.7" E	24/8/2020	31,0	7,9	3,0	30	111	0,036	0,114	0,033	KPH	503,3	8,2	1400	KPH
2	Sông Bạc Liêu - Trà Kha	Bạc Liêu	TP.Bạc Liêu	9°17'41.7" N 105°42'18" E	24/8/2020	30,0	7,3	2,0	7	106	0,080	1,769	0,176	KPH	50,0	10,8	2000	20
3	Kênh Trường Sơn	Bạc Liêu	TP.Bạc Liêu	9°10'05,7" N 105°35'03" E	24/8/2020	30,0	7,9	2,5	26	116	0,072	0,518	0,044	KPH	197,3	8,6	530	10
4	Kênh Số 3-Vĩnh Thịnh	Bạc Liêu	Hoà Bình	9°10'05.7" N 105°37'59" E	24/8/2020	29,0	7,9	3,0	29	104	0,037	0,065	0,025	KPH	270,0	6,6	1500	20
5	Kênh Mương 7 - Vĩnh Thịnh	Bạc Liêu	Hoà Bình	9°09'13.7" N 105°36'11" E	24/8/2020	29,0	8,2	2,5	29	112	0,026	0,096	0,032	KPH	214,7	6,8	550	20
6	Kênh 700 Tân Nam - Vĩnh Tân	Sóc Trăng	Vĩnh Châu	9°17'23.4"N 105°56'40"E	25/8/2020	31,0	7,9	4,7	28	133	0,096	2,868	0,196	0,010	33,3	16,0	650	KPH
7	Cầu Cà Lăm	Sóc Trăng	Mỹ Xuyên	9°24'14.8"N, 105°48'19"E	25/8/2020	32,2	6,9	2,7	2	79	0,022	0,139	0,030	KPH	68,0	11,0	120	KPH

STT	Điểm Quan Trắc	Tỉnh	Huyện	Tọa độ	Ngày thu mẫu	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/l)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/l)	N-NO ₂ ⁻ (mg/l)	N-NH ₄ ⁺ (mg/l)	P-PO ₄ ³⁻ (mg/l)	S ₂ ⁻ (mg/l)	TSS (mg/l)	COD (mg/l)	Vibrio tổng số (CFU/ml)	Vibrio parahaemolyticus tổng số (CFU/ml)
Giới hạn cho phép theo QCVN 02-19:2014/BNNPTNT						18-33	7-9	>3,5	5-35	60-180	0,05(*)	0,3(*)	0,1(*)	0,05	20(*)	---	---	---
QCVN 08-MT:2015/BTNMT (*) (Cột A1- Mục đích bảo vệ đời sống thủy sinh)																		
8	Cầu Chữ U	Sóc Trăng	Trần Đề	9°24'40.3"N 106° 8'48"E	25/8/2020	28,5	6,8	3,0	4	71	0,109	0,026	0,026	KPH	18,0	7,3	1070	20
9	Bến Phà Đại Ân 1	Sóc Trăng	Cù Lao Dung	9°37'41.3"N 106° 8'20"E	25/8/2020	29,5	6,9	3,5	0	40	0,015	0,034	0,044	0,038	95,3	4,2	130	KPH
10	Sông Cái Đồi Vàm	Cà Mau	Phú Tân	8°52'18.4"N 104°48'47"E	24/8/2020	31,0	7,6	3,0	15	125	0,073	0,913	0,116	KPH	253,3	10,5	480	10
11	Sông Đường chéo	Cà Mau	Ngọc Hiển	8°39'12.6"N 105°5'26"E	24/8/2020	30,0	7,6	2,5	24	124	0,070	0,993	0,116	KPH	194,5	12,0	950	20
12	Kênh sáng Độ Cường	Cà Mau	Đầm Dơi	9°6'4.4"N 105°9'35.0"E	24/8/2020	29,0	7,7	2,0	12	130	0,041	1,649	0,300	KPH	56,0	10,3	410	10
13	Sông Thị Tường	Cà Mau	Cái Nước	8°59'59.7"N 104°59'50"E	24/8/2020	31,0	8,2	3,0	11	133	0,045	1,535	0,274	KPH	127,3	6,6	280	10
14	Kênh Sáng Tân Hưng	Cà Mau	Cái Nước	9°2'20.3"N 105°5'13"E	24/8/2020	30,0	7,9	3,5	12	128	0,041	1,476	0,295	KPH	84,0	11,2	340	30
15	Vũng Luông	Bến Tre	Bình Đại	10°06'36"N 106°07'40"E	25/8/2020	31,0	7,6	5,0	14	73	0,004	0,050	KPH	KPH	186,7	7,1	15200	40
16	Rạch Đường Tắc	Bến Tre	Ba Tri	10°02'37"N 106°65'20"E	25/8/2020	31,2	7,2	5,5	8	62	0,005	0,062	0,013	KPH	239,3	7,3	13000	80
17	Rạch Cầu Ván	Bến Tre	Thạnh Phú	9°08'04"N 106°06'12"E	25/8/2020	31,5	7,2	5,0	3,4	49	0,007	0,023	KPH	KPH	171,3	6,5	2160	100

II. Đánh giá chất lượng nước theo chỉ tiêu hóa lý và vi sinh

STT	ĐIỂM QUAN TRẮC	CHỈ TIÊU VƯỢT NGUỖNG	WQI	CHẤT LƯỢNG NƯỚC	KHUYẾN CÁO
1	Gành Hào - Đông Hải	DO thấp. TSS, <i>Vibrio</i> tổng cao	93	Rất tốt	- Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
2	Sông Bạc Liêu - Trà Kha	DO thấp. N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ , <i>Vibrio</i> tổng cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 20CFU/mL	67	Trung bình	- DO thấp, ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
3	Kênh Trường Sơn	DO thấp. N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , TSS cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 10CFU/mL	78	Tốt	- DO và độ mặn thấp, ô nhiễm hữu cơ cao không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
4	Kênh Số 3-Vĩnh Thịnh	DO thấp, TSS, <i>Vibrio</i> tổng cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 20CFU/mL	92	Rất tốt	- DO thấp, chất rắn lơ lửng cao không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
5	Kênh Mương 7 - Vĩnh Thịnh	DO thấp, TSS cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 20CFU/mL	93	Rất tốt	- DO thấp, chất rắn lơ lửng cao không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
6	Kênh 700 Tân Nam - Vĩnh Tân	N-NO ₂ ⁻ , N-NH ₄ ⁺ , P-PO ₄ ³⁻ cao	70	Trung bình	- Ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản.
7	Cầu Cà Lăm	DO thấp. Đã bị ngọt hoá.	93	Rất tốt	- DO và độ mặn thấp không thích hợp cho động vật thủy sinh phát triển.
8	Cầu Chữ U	DO và độ mặn thấp <i>Vibrio</i> tổng cao	84	Tốt	- Độ mặn thấp không thích hợp cho tôm nuôi nước lợ phát triển. Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh.
9	Bến Phà Đại Ân 1	Đã bị ngọt hoá.	95	Rất tốt	- Độ mặn thấp không thích hợp cho tôm nuôi nước lợ phát triển.
10	Sông Cái Đôi Vàm	DO thấp. N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , N-NH ₄ ⁺ , TSS cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 10CFU/mL	74	Trung bình	- DO thấp, ô nhiễm hữu cơ cao không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
11	Sông Đường chéo	DO thấp. N-NO ₂ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , N-NH ₄ ⁺ , TSS cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 20CFU/mL	72	Trung bình	- DO thấp, ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
12	Kênh sáng Độ Cường	DO thấp. P-PO ₄ ³⁻ , N-NH ₄ ⁺ cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 10CFU/mL	78	Tốt	- Ô nhiễm hữu cơ, cần xử lý nước trước khi cấp cho ao nuôi thủy sản.

STT	ĐIỂM QUAN TRẮC	CHỈ TIÊU VƯỢT NGƯỠNG	WQI	CHẤT LƯỢNG NƯỚC	KHUYẾN CÁO
13	Sông Thị Tường	DO thấp. P-PO ₄ ³⁻ , N-NH ₄ ⁺ cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 10CFU/mL	80	Tốt	- Ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
14	Kênh Sáng Tân Hưng	P-PO ₄ ³⁻ , N-NH ₄ ⁺ cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 30CFU/mL	79	Tốt	- Ô nhiễm hữu cơ, không sử dụng nước trực tiếp cho nuôi trồng thủy sản. Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
15	Vũng Luông	TSS, <i>Vibrio</i> tổng rất cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 40CFU/mL	28	Xấu	- Chất lượng nước ở mức xấu do mật độ vi khuẩn <i>vibrio</i> trong nước rất cao, cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
16	Rạch Đường Tắc	TSS, <i>Vibrio</i> tổng rất cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 80CFU/mL	31	Xấu	- Chất lượng nước ở mức xấu do mật độ vi khuẩn <i>vibrio</i> trong nước rất cao, cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh
17	Rạch Cầu Ván	TSS, <i>Vibrio</i> tổng cao <i>Vibrio parahaemolyticus</i> : 100CFU/mL	84	Tốt	- Cần diệt khuẩn để loại trừ mầm bệnh

Ghi chú:

Chỉ số WQI được đánh giá theo Quyết định 1460/QĐ-TCMT của Tổng cục Môi trường ký ngày 12/11/2019. Trong đó các thông số được dùng để tính toán gồm pH, DO, COD, N-NH₄⁺, N-NO₂⁻, P-PO₄³⁻, *vibrio* tổng.

Bảng: Các mức độ đánh giá chất lượng nước theo chỉ số WQI

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước	Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước
91 - 100	Rất tốt	26 - 50	Xấu
76 - 90	Tốt	10 - 25	Kém
51 - 75	Trung bình	<10	Ô nhiễm rất nặng

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy sản
- Sở NN&PTNT và Chi cục Thủy sản Bến Tre
- Sở NN&PTNT và Chi cục Thủy sản Trà Vinh
- Sở NN&PTNT và Chi cục Thủy sản Bạc Liêu
- Sở NN&PTNT và Chi cục Thủy sản Cà Mau
- Sở NN&PTNT và Chi cục Thủy sản Sóc Trăng
- Các Doanh nghiệp

LÊ HỒNG PHƯỚC